

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Lê Văn Tám;

2/- Ông Đoàn Văn Phôi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Như Y, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: Anh Võ Hữu P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp M, xã Mỹ H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị Y và anh P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Như Y trình bày: Chị và anh Võ Hữu P chung sống năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Trung. Đến năm 2018 thì anh P sinh tật mê đá gà, lấy hết tài sản đem cầm cố. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh P nhưng anh không thay đổi mà con trộm vàng của mẹ bán để chơi dẫn đến gia đình thương xuyên mâu thuẫn, ảnh hưởng đến tâm sinh lý các con.

Do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Võ Hữu P.

- Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thị Kiều N sinh ngày 13/8/2014 và Võ Minh Đ sinh ngày 07/02/2017. Ly hôn chị Y yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Hữu P không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Trương Thị Như Y vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Võ Hữu P vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trương Thị Như Y là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y.

Anh Võ Hữu P là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Trương Thị Như Y và anh Võ Hữu P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện của chị Trương Thị Như Y xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh P là trầm trọng không hòa giải hàn gắn được do anh P mê cờ bạc không chăm lo cho gia đình dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh P

Anh Võ Hữu P không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị Như Y, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với chị Như Y nên Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của chị Như Y về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Như Y và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Như Y được ly hôn với anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung:

Giữa chị Như Y và anh P có 02 con chung hiện do chị Như Y trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Như Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Anh Võ Hữu P không có ý kiến về việc nuôi con chung.

Thấy rằng: Chị Như Y có nghề nghiệp ổn định, đang nuôi dạy con tốt, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị Như Y, giao cho chị Như

Y trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Chị Như Y yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung.

Anh P không có văn bản thể hiện Y kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị Như Y nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mức cấp dưỡng chị Như Y yêu cầu là phù 01 hợp khả năng kinh tế của anh P, phù hợp nhu cầu thiết yếu của con và phù hợp theo quy định tại các Điều 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung: Chị Như Y không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí:

Chị Như Y phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Trương Thị Như Y được ly hôn với anh Võ Hữu P.
2. Con chung:

Giao 02 con chung tên Võ Thị Kiều N sinh ngày 13/8/2014 và Võ Minh Đ sinh ngày 07/02/2017 cho chị Như Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Võ Hữu P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho 01 con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0591 ngày 12/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị Như Y không phải nộp tiếp tiền án phí.

Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Như Y và anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: Chị Như Y, anh P;
- UBND xã Mỹ Hạnh Đông, TX.Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Ánh Tuyết